

PHÂN TÍCH ĐOẠN TRÍCH NỖI THƯƠNG MÌNH CỦA NGUYỄN DU

1. Em hãy bình giảng tác phẩm Nỗi thương mình

Đoạn trích Nỗi thương mình là tâm trạng xót xa, ê chề của nàng Kiều khi rơi vào hoàn cảnh éo le đầy nhục nhã tại lầu Ngưng Bích và bắt đầu những ngày tháng trở thành kỹ nữ, chứng kiến cảnh mua vui trụy lạc, mà rớt nước mắt xót thương “Đau đớn thay cho phận đàn bà/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.

Đoạn trích nằm từ câu 1229 đến câu 1248, trong phần Lưu lạc của Truyện Kiều. Bắt đầu khi Mã Giám Sinh đưa Kiều về đến lầu xanh của Tú Bà, Kiều biết mình bị lừa, để tránh thoát số kiếp kỹ nữ mua vui, Kiều bèn nhắm mắt định quyên sinh nhưng không chết, lại được Đạm Tiên báo mộng nàng vẫn chưa thoát khỏi số đoạn trường. Đành lòng Kiều nhẫn nhục ra ở tạm lầu Ngưng Bích, rồi mắc mưu của Sở Khanh, bỏ trốn không thành, bị Tú Bà bắt về đánh đập dã man và lấy cớ ép Kiều tiếp khách.

Số phận nổi trôi của nàng Kiều khiến độc giả không khỏi thương cảm, đớn đau đúng với câu “Đau đớn thay phận đàn bà/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”. Mà ở đây hơn ai hết Thúy Kiều chính là người ý thức được rõ nhất cảnh ngộ éo le của kiếp kỹ nữ trong đoạn trích Nỗi thương mình.

*“Biết bao bướm lả ong lơi
Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.
Dập diu lá gió cành chim,
Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh”*

Mở đầu đoạn trích đó là khung cảnh chốn lầu xanh ong bướm trụy lạc, hình ảnh “bướm lả ong lơi” gợi ra viễn cảnh vô cùng dung tục, ví kỹ nữ như là những bông hoa tươi đẹp, còn khách làng chơi lại tựa như loài ong loài bướm, lả lơi, ngả nghiêng hết vờn đóa hoa này, lại chạm đến bông hoa kia, hết sức tạp nham, lẫn lộn và hoang đường. Trong chốn mua vui ấy người ta chỉ thấy hương rượu nồng quyện với mùi hương phấn dung tục với “cuộc say đầy tháng”, với sự khoái lạc của “trận cười suốt đêm”, nam nữ thâu hoan không kể ngày đêm, ồn ào, náo nhiệt và trụy lạc. Mà người phụ nữ ở chốn phong trần lại trở thành thứ đồ chơi cho kẻ khác mua vui, ai đến ai đi nhiều không kể xiết, vốn là những người xa lạ thế nhưng lại có thể hiện ra những hình ảnh “dập diu” nam nữ cười đùa, ngả ngón, đầu sát bên đầu, má áp bên má tựa như lá với gió, cành với chim.

Kiều vốn được Nguyễn Du xây dựng như một hình mẫu người phụ nữ lý tưởng tài sắc vẹn toàn, nhưng xót xa thay “Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”, một con người thanh cao trong trẻo đến vậy, số mệnh lại đẩy đưa vào nơi nhơ nhớp, tầm thường nhất. Kiều vùng vẫy, chống lại số phận, không chấp nhận làm một kỹ nữ dơ bẩn mặc người chơi đùa, ở nàng hiện lên cái đức tính cao đẹp của loài hoa sen thuần khiết “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Nhưng Kiều bất lực trước hoàn cảnh éo le của mình, Kiều buộc phải chấp nhận sự thật, tự khóc thương cho bản thân.

*“Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Giật mình lại thấy thương mình xót xa”*

Kiều đã cố quên đi nỗi đau đớn tủi nhục, trong men rượu, nhưng có ích gì khi, canh tan rượu tàn, còn lại tấm thân rã rời, đến Kiều cũng phải “giật mình” mà tự “thương mình xót xa”. Nhịp thơ trong câu lục, là nhịp 3/3 chậm rãi, nhịp nhàng, diễn tả cuộc sống chán chường, đàng đẵng vô tận, đến câu bát thì nhịp thơ 2/2/2/2 nhanh hơn, Kiều bàng hoàng tỉnh lại, nhận lấy

nổi đờn đau tận tâm can, như vẩn xoắn lầy tâm hồn. Những câu thơ tiếp là dòng hồi tưởng đầy xót xa, chua chát của Kiều khi so sánh cuộc sống nhưng gấm, thanh cao trước đây cùng với thực cảnh tủi nhục, nhơ nhớp chốn lầu xanh, ong bướm lả lơi.

“Khi sao phong gấm rủ là

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.

Mặt sao dày gió dạn sương,

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!”

Nỗi đau của Kiều lại càng được bộc lộ rõ nét hơn trong những câu thơ ý thức về thân phận bọt bèo. Nhắc lại chuyện “Khi sao phong gấm rủ là”, là nhắc về cuộc sống êm đềm trướng rủ màn che thuở trước, khi Kiều còn được sống trong sự bảo bọc của cha mẹ, nào có biết đến chốn phong trần với nỗi ê chề, xót xa đến tận cùng này. Trái ngược hẳn với mộng đẹp trong quá khứ, Kiều bây giờ buộc phải đối mặt với một cuộc sống cũng trướng rủ màn che đấy, nhưng lại chìm trong những ngày tháng sắc dục, buồn phần bán hương cho kẻ chơi đùa thỏa thích, ngày ngày nở nụ cười giả tạo, lầy lòng người không quen biết.

Mà Kiều tự nhận thấy bản thân mình ứng với mấy chữ “tan tác như hoa giữa đường”, vốn là đóa mẫu đơn cao quý, trong sạch, cuối cùng lại trở thành nơi của biết bao “bướm lả ong lơi”, bị chà đạp không thương tiếc, chỉ còn lại bộ dạng tàn tạ, nhơ nhuốc. Khuôn mặt khi xưa vốn dĩ ngại ngùng, e ấp, quạt hương che nửa mặt, ôm ấp chốn khuê phòng, thì nay phải ngày ngày chường ra cho kẻ Bắc người Nam, ngắm nghía, bình phẩm, phải “dày gió dạn sương” ôm ấp nam tử như người tình, điều bộ lả lướt, ngả ngớn, chiều lòng. Nghĩ lại bản thân Thúy Kiều chỉ còn có thể thốt lên lời thở than chua xót “Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!”, là ý thức của nàng về tấm thân tàn tạ, rề mạt của mình. Từ đó độc giả dễ dàng nhận ra cuộc sống tủi hổ, nhục nhã đau đớn tột cùng về cả thể xác và tinh thần của nàng Kiều tội nghiệp.

“Mặc người mưa Sở mây Tần,

Những mình nào biết có xuân là gì.

Đòi phen gió tựa hoa kề,

Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu”

Nhưng dù xã hội có cố vùi dập nàng xuống lớp bùn hôi tanh, dù tấm thân nàng đã vướng bụi đời, nhưng tâm hồn nàng vẫn thanh khiết, giữ vững cốt cách của loài sen trắng. Kiều thờ ơ với mọi cuộc hoan lạc “mưa Sở mây Tần”, nàng chẳng lấy gì làm vui thú, có gì để vui đây? Khi những khách làng chơi muốn “gió tựa hoa kề”, cho gần gũi thân mật, nhưng thật giả dối và ghê tởm quá. Lòng Kiều như chết lặng, Kiều không phản kháng, cũng không còn muốn phản kháng, bởi đau đớn và tủi đã cướp đi hồn nàng, Kiều chỉ đang tồn tại, tồn tại giữa chốn lầu xanh phồn hoa nhất, cũng thấp kém nhất. Cảnh phong, hoa, tuyết, nguyệt đẹp để có đủ cả, nhưng cũng chẳng thể che lấp đi sự nhơ nhớp, trụy lạc của chốn phong trần phóng túng.

Hỏi chẳng trong lòng vốn đã đau xót, buồn tủi thì cảnh có đẹp tuyệt trần đi chăng nữa, thì người cũng có vui được không? Thế Nguyễn Du mới có câu thơ: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/Người buồn cảnh cũng vui đâu bao giờ?”. Tâm trạng u uất của Kiều dường như lan tràn sang cả cảnh sắc xung quanh, nơi đây cũng nào thiếu những thú vui cầm, kỳ, thi, họa, cũng thanh tao cao nhã một cách đầy mỉa mai, khi chốn dung tục mà cũng “Đòi phen nét vẽ câu thơ/Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa”.

Dưới ngòi bút miêu tả của Nguyễn Du, không chỉ có quá khứ đối lập với hiện tại mà bản thân cuộc sống hiện tại cũng chứa đựng sự đối lập. Cuộc đời kĩ nữ nhìn bề ngoài tưởng thanh cao, tao nhã: Đòi phen nét vẽ câu thơ, cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa; Đòi phen gió tựa hoa kề, nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu, nhưng thật là mỉa mai khi sự nhớ nhớt bản thủ được che đậy bằng vẻ ngoài thơ mộng và hào nhoáng. Sự đối lập ấy Kiều đã nhận ra bằng trái tim nhạy cảm của mình. Những từ gương, thờ ơ, ngẩn ngơ thể hiện tâm trạng chằng mẫn mà, thậm chí bề bàng của Kiều trước thực tại. Một người vốn trung thực như Kiều mà lại phải vui là vui gương để chiều khách làng chơi thì nỗi tủi, nỗi sầu càng sâu sắc, thấm thía hơn. Tưởng chừng như nỗi sầu từ lòng người lan tỏa sang cả cảnh vật:

*"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.
Đòi phen nét vẽ câu thơ
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gương kẻ là
Ai tri âm đó mặn mà với ai"*

Bằng sự thông cảm thực sự và bằng tài năng kì diệu. Nguyễn Du đã viết lên hai câu thơ hay nhất về mối liên hệ tương đồng giữa ngoại cảnh và tâm cảnh, giữa cảnh và tình trong văn chương Việt Nam. Đoạn trích Nỗi thương mình chứa đựng ý nghĩa sâu sắc về quá trình tự ý thức của con người cá nhân trong văn học trung đại. Người phụ nữ xưa thường được giáo dục theo tinh thần an phận thủ thường, cam chịu và nhẫn nhục. Khi nhân vật Giật mình mình lại thương mình xót xa thì điều này đã bao hàm ý nghĩa "cách mạng" Con người không chỉ biết hi sinh, nhẫn nhục, cam chịu mà bước đầu đã có ý thức về phẩm giá, nhân cách, tức là ý thức về quyền sống của bản thân.

Đoạn trích là niềm thương cảm cho số phận của nàng Kiều, người con gái tài sắc vẹn toàn mà bạc mệnh. Bao trùm không khí là sự buồn tủi, xót xa nhưng không bi lụy, yếu đuối. Những dòng thơ của Nguyễn Du đều thể hiện một tấm lòng thương yêu, đồng cảm, và đề cao phẩm cách đáng quý của nàng Kiều, trong trắng, thanh khiết như một đóa hoa sen giữ chốn bùn lầy như nhớt của xã hội phong kiến bấy giờ. Nguyễn Du thông qua đó tố cáo tội ác, sự bản thủ của một xã hội mục nát đã tàn phá, vùi dập những con người khốn khổ, đáng thương vào tận đáy của xã hội, trong đau đớn tủi nhục, đặc biệt là những người phụ nữ chân yếu tay mềm, không thể phản kháng, không có tiếng nói.

2. Bài văn phân tích đoạn trích Nỗi thương mình

Đại thi hào Nguyễn Du viết nên kiệt tác Truyện Kiều giống như đã đóng góp viên ngọc sáng trong nền văn học Việt Nam. Lật dở từng trang truyện Kiều giống như từng chặng đường đời của người con gái "hồng nhan bạc mệnh" thân phận chịu nhiều đau thương, mất mát. Đoạn trích "Nỗi thương mình" là đoạn trích bi ai nhất về nàng Kiều khiến người đọc không khỏi xót xa.

"Nỗi thương mình" kể về chuỗi ngày nhiều đau đớn và nước mắt của Thúy Kiều khi cuộc đời bị đẩy vào chốn lầu xanh bị đè ép dưới tay của mẹ Tú Bà ghê tởm. Cuộc đời nhớ nhớt, ô nhục của Thúy Kiều bắt đầu từ đây. Nguyễn Du như xé lòng khi kể từng trang viết về cuộc đời Thúy Kiều, câu mở đầu như vén bức màn u tối mà Kiều đang phải sống những tháng ngày ô nhục trong đó:

*"Biết bao bướm lả ong lơi
Cuộc vui đầy tháng trận cười suốt đêm"*

*Dập diu lá gió cành chim**Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh"*

Khổ thơ mở ra những hình ảnh về chốn ăn chơi, là nơi ong bướm thể hiện đây là chốn phong lưu, đưa tình, một nơi không có chỗ cho tình yêu thật sự mà chỉ là chốn rong chơi, mua bán nụ cười giả tạo. Một chốn đưa người cửa trước rước người cửa sau của những cô gái làng chơi. Những hình ảnh ước lệ “Cuộc chơi” “ong bướm” “dập diu”, khiến cho người đọc cảm nhận được sự nhộn nhịp, của chốn mua vui. Một nơi kinh doanh thân thể phụ nữ.

Mười hai câu thơ tiếp theo nói về tâm trạng, nỗi lòng trong những tháng ngày làm kỹ nữ ở chốn lầu xanh. Nguyễn Du đã thể hiện thật thần tình tâm trạng đau buồn, tủi hổ đến ê chề của Thúy Kiều khi phải đối diện với chính lòng mình:

*“Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh**Giật mình mình lại thương mình xót xa”*

Sống trong cảnh “Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm” thì chỉ “Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh” Kiều mới có những khoảnh khắc hiếm hoi để sống thực với chính lòng mình. Lúc khách làng chơi ra về hết, đêm rất khuya chỉ còn một mình Kiều đối diện với ngọn đèn chong. Ở câu thơ thứ nhất, nhịp thơ 3/3 như gợi lên từng bước đi chậm chạp của thời gian. Thời gian và không gian vắng lặng càng gợi nỗi niềm cay đắng, xót xa của người con gái đang lênh đênh lưu lạc nơi đất khách.

*“Khi sao phong gấm rủ là**Giờ sao tan tác như hoa giữa đường”*

Quá khứ đối lập với hiện tại một cách khốc liệt. Trước kia, Thúy Kiều được nâng niu, quý trọng bao nhiêu thì giờ đây nàng lại bị vùi dập phủ phàng bấy nhiêu. Ở hai câu thơ này đã có: “khi sao”, “giờ sao”, tiếp theo sau nó lại viết: “mặt sao”, “thân sao”, lời cảm thán cất lên tê buốt, như những nhát dao cứ cứa sâu vào tim gan vô cùng đau đớn:

*“Mặt sao dày gió dạn sương**Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!*

Các biện pháp nghệ thuật tu từ ẩn dụ (gió, sương, bướm, ong) và thủ pháp phân hợp từ ngữ: “dày gió dạn sương”, bướm chán ong chường” đã được tác giả sử dụng để cực tả nỗi tủi nhục của một người con gái tài sắc vẹn toàn bị đẩy vào vũng bùn hôi tanh như nhớp. Lúc nào Kiều cũng tự ý thức về nhân phẩm của mình. Các từ ngữ “mặt người”, “nào biết” đã thể hiện rõ ý thức ấy:

*“Mặt người mưa Sở mây Tần**Những mình nào biết có xuân là gì?”*

Trong chốn lầu xanh đó, cuộc sống của nàng Kiều không hề thiếu thốn điều gì. Cảnh có đủ phong, hoa, tuyết, nguyệt, tượng trưng cho vẻ đẹp bốn mùa như: xuân có hoa; hè có gió; thu có trăng; đông có tuyết. Nhưng trước những cảnh đẹp đó, Kiều đứng đưng, thờ ơ bởi con tim nàng đã bị nỗi đau khổ quá mức làm cho giá lạnh. Chốn lầu xanh dơ bẩn kia không chỉ có phong, hoa, tuyết, nguyệt, mà còn có cầm, kì, thi, họa, là môn nghệ thuật mà nàng Kiều say mê.

*“Đòi phen gió tựa hoa kề**Nửa rèm tuyết ngân bốn bề trăng thâu**Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*

*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ
Đòi phen nét vẽ câu thơ
Cung cầm trong nguyệt nét cờ dưới hoa"*

Trong chốn hồng trần ăn chơi sa đọa này Thúy Kiều không có người tâm sự không có bạn tri kỷ. Nên nàng chỉ biết bầu bạn với thơ ca, đàn nhị. Nhưng những tiếng đàn dường như ai oán hơn, những vắn thơ đắm nước mắt khiến cho nàng cảm thấy mình sống đây mà như đã chết lâu rồi. Trong những câu thơ này tác giả đã sử dụng tài tình nghệ thuật tả cảnh ngụ tình để khắc họa tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều.

*"Vui là vui gượng kẻo là
Ai tri âm đó mặn mà với ai"*

Niềm vui của nàng chỉ là niềm vui của sự gượng cười mà thôi còn tâm hồn nàng đã chết từ lâu rồi. Trong trích đoạn này tác giả Nguyễn Du đã khiến cho người đọc cảm thấy rưng rưng lệ, cảm thương cho số phận của nàng Kiều khi sống những ngày sống như nhuốc, vẫn đục ở chốn lầu xanh, phải mua vui cho những người đàn ông xa lạ.

3. Cảm nhận của em về bài thơ Nỗi thương mình

Trong văn học Việt Nam đặc biệt là với giai đoạn văn học trung đại, số phận người phụ nữ được rất nhiều tác giả đề cập đến: Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Du, Nguyễn Dữ,... Nhưng xuất sắc nhất phải kể đến là Nguyễn Du với kiệt tác "Truyện Kiều". Tác phẩm đã khắc họa rõ nét thân phận nhỏ bé, đáng thương của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Đoạn trích "Nỗi thương mình" là một trong những phân đoạn thể hiện sâu sắc nhất cuộc đời đau khổ của nàng Kiều tài hoa bạc mệnh.

Ở lầu Ngưng Bích, Kiều lại mắc bẫy Sở Khanh, bị Tú Bà đánh đập tơi bời. Tiếp đó là những tháng ngày ê chề nhục nhã của nàng trong vai trò kĩ nữ - gái làng chơi, đem tấm thân trong ngọc trắng ngà của mình mua vui cho những kẻ lăm tiền háo sắc. Những ngày Thúy Kiều ở chốn lầu xanh là những ngày nàng vô cùng buồn tủi, tâm trạng rối bời như tơ vò nghĩ về thân phận, sự tủi nhục của kiếp hồng nhan. Đoạn trích có một kết cấu khá logic với diễn biến tâm trạng và trớ trêu của cuộc đời đầy bất hạnh khi nghe những lời độc thoại nội tâm đầy đau đớn. Đó cũng là thời điểm mở đầu cho những chuỗi tâm sự nổi kết, ngổn ngang. Kiều nghĩ đến thân phận mình để rồi "mình lại thương mình xót xa" Kiều xót xa cho chính bản thân mình. Với nàng, hiện tại như một giấc mơ cay đắng khi nàng sánh với quá khứ. Mở đầu đoạn trích Nỗi Thương Mình là tâm trạng đau buồn, tủi hổ đến ê chề của Thúy Kiều phải nếm trải trong chốn lầu xanh của mẹ Tú Bà:

*"Biết bao bướm lả ong lơi,
Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.
Dập dìu lá gió cành chim
Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh"*

Bốn câu đầu của đoạn trích cho ta thấy rõ hình ảnh lối sống xô bồ, nhơ nhớp và thân phận bẽ bàng của người kĩ nữ ở chốn lầu xanh. Nguyễn Du đã miêu tả thật sống động bức tranh sinh hoạt ở chốn lầu xanh bằng bút pháp ước lệ tượng trưng. Trong chốn lầu xanh ấy Kiều phải tiếp khách mua vui cho "biết bao" người mà nàng không thể nào nhớ được hay là đếm được, bởi lẽ một điều rằng hằng ngày Kiều tiếp khách làng chơi triền miên "suốt đêm, sớm đưa, tối tìm" những từ ngữ ấy đã cho ta thấy được sự nhộn nhịp của chốn lầu xanh, nơi mà Tú Bà ăn nên làm ra.

"Khi tỉnh rượu lúc canh tàn"

Giật mình, mình lại thương mình xót xa”

Trong không gian của chốn ăn chơi đàng điếm này Thúy Kiều cảm thấy xót xa cho thân phận của mình nàng là người xuất thân con gái nhà lành, được cha mẹ cho ăn học đàng hoàng, bản chất lương thiện hiền lương, có đức hạnh, hiếu nghĩa. Có lẽ nằm mơ Thúy Kiều cũng không bao giờ nghĩ sẽ có ngày mình lại lưu lạc phải sống kiếp phong trần của gái giang hồ như thế này. Bị bao nhiêu người con trai chà đạp, bị vắn vò cả về thể xác lẫn tâm hồn.

Thúy Kiều sống mà phải mang nụ cười giả tạo, tiếng đàn để mua vui cho những gã đàn ông đốn mạt trốn vợ con đi tìm thú vui hưởng lạc, hoặc những tay công tử ăn chơi lăm tiền nhiều của nhưng ngu si hống hách, chỉ biết tiêu tiền của bố mẹ. Trong không khí như vậy Thúy Kiều chỉ biết mượn rượu giải sầu. Nàng muốn uống cho quên đi tất cả quên ngày tháng, quên thời gian, quên đi cha mẹ già ở quê nhà, quên chàng Kim Trọng mà nàng đã hứa trọn tình bên nhau.

*“Khi sao phong gấm rủ là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường
Mặt sao dày gió dạn sương
Thân sao bướm chán ong chường bất thân
Mặc người mưa Sở mây Tần
Những mình nào biết có xuân là gì?”*

Không có ai hiểu nàng, không có ai xót xa cho thân phận của nàng nên Thúy Kiều tự mình thương mình. Nàng cảm thấy mình thật bất hạnh. Những cuộc vui chốc lát nhanh chóng tàn nhanh, rồi người cũng đi, chỉ còn lại sự quạnh quẽ cô liêu, chỉ còn nàng trong sự ủ ê chán chường. Một xã hội đầy bất công, nhớp nhuốc đã cướp đi hạnh phúc bình dị của một người con gái hiền lương đẩy nàng tới chốn này để rồi bị sống cảnh đời “vùi hoa dập liễu” cả thân xác và tâm hồn.

*“Đòi phen gió tựa hoa kề,
Nửa rên tuyết ngậm bốn bề trăng thâu”
Đòi phen nét vẽ câu thơ
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”*

Phong cảnh mang màu tâm cảnh. Cảnh mang tình người. Nàng cảm thấy đau khổ, tê tái vì thấy nhục nhã ê chề khiến cho mọi cảnh vật đều nhuốm màu đau thương như nàng đang chịu đựng. Bất kể lúc nào, dầu đắng cay hay sung túc, nàng vẫn luôn ý thức được nhân phẩm của bản thân.

Giữa chốn lầu xanh, Kiều vẫn cảm thấy cô đơn, lạc lõng. Nàng không thể tìm lấy cho riêng mình một người tri âm, tri kỉ để tâm sự. Trong mọi cuộc vui, nàng chỉ có thể “vui gượng”:

*“Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai?”*

Dẫu sống trong cảnh lầu xanh nhơ bẩn, Kiều vẫn giữ cho mình những phẩm chất cao quý của người con gái: Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Bởi thế, người đọc càng thấy thương cảm và trân trọng nàng.

Như vậy chỉ với mấy câu thơ nhưng Nguyễn Du như nén hết cảm xúc trong đó để xót xa cùng thân phận cuộc đời của nàng Kiều bạc mệnh. Đây là nhân vật đã lấy đi bao nước mắt của tác giả cũng như người đọc. Vẫn chủ đề quen thuộc vẫn là những số phận nhỏ bé của người phụ nữ nhưng đến Nguyễn Du ông đã dùng cây bút của mình viết nên văn thơ tựa như lời bộc bạch thấm thía, sâu sắc vô cùng. Dường như hình ảnh Thúy Kiều hiện thân cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa được đặc tả tinh tế nhất. Nỗi thương mình là nền tảng của lòng thương người, ông tự thương lấy chính cuộc đời ông và đồng cảm với nàng Kiều sống giữa chốn bụi trần đầy rẫy những lưỡi dao cắt xé lòng.

4. Phân tích bài thơ Nỗi thương mình của Nguyễn Du

Sau biến cố gia đình, Kiều bán thân làm lẽ cho Mã Giám Sinh để cứu cha và em, đồng thời gửi lại mối duyên của mình với Kim Trọng cho Thúy Vân, những tưởng bấy nhiêu sự hy sinh ấy của Kiều đã là đến tận cùng, thế nhưng phận đời éo le, thích trên đùa kiếp hồng nhan bạc mệnh. Kiều bị Mã Giám Sinh lừa bán vào lầu Ngưng Bích, trở thành kỹ nữ, khiến cuộc đời nàng thật sự đi vào bi kịch kinh hoàng. Sau lần tự tử và bỏ trốn không thành Kiều bị Tú Bà buộc phải tiếp khách, dần trở thành người kỹ nữ phong trần trong nỗi xót xa và tủi nhục khôn cùng.

Số phận nổi trôi của nàng Kiều khiến độc giả không khỏi thương cảm, đốn đau đúng với câu “Đau đốn thay phận đàn bà/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”. Mà ở đây hơn ai hết Thúy Kiều chính là người ý thức được rõ nhất cảnh ngộ éo le của kiếp kỹ nữ trong đoạn trích Nỗi thương mình.

*“Biết bao bướm lả ong lơi
Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.
Dập dìu lá gió cành chim,
Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh”*

Những ẩn dụ như bướm lả, ong lơi, lá gió, cành chim, hình ảnh cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm và cả diễn tích văn chương về Tống Ngọc, Trường Khanh, hai vị khách phong lưu nổi tiếng đã khắc họa được cảnh sống xô bồ, nhơ nhớp và thân phận bẽ bàng của người kỹ nữ ở chốn lầu xanh. Giữa cái không khí ồn ào, náo nhiệt, lả lơi, dập dìu, sớm đưa, tối tìm ra ấy, nổi bật lên hình ảnh một nàng Kiều cô đơn, buồn tủi.

Các hình thức đối xứng trong câu như bướm lả - ong lơi, lá gió - cành chim được Nguyễn Du khai thác triệt để nhằm tô đậm nỗi thương thân, xót phận của Thúy Kiều và gây cảm giác đau đốn. Xót xa thực sự cho người đọc. Bốn câu thơ đầu vừa là bức tranh sinh hoạt nhơ nhớp chốn thanh lâu vừa ẩn chứa tiếng thở dài não ruột của người con gái tài sắc buộc phải làm kỹ nữ. Tác giả xót thương Thúy Kiều rơi vào chốn bùn nhơ, nơi nhân phẩm bị hủy hoại, nhưng cũng chính trong hoàn cảnh đó, Thúy Kiều đã ý thức rất rõ về nhân phẩm cao quý của mình.

*“Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót xa”*

Vẫn không gian lầu xanh của Tú bà nhưng thời gian đã là “lúc tàn canh” - đêm khuya, thời khắc hiếm hoi, quý giá để con người mình được đối diện với lòng mình, trở về với con người thật của mình. Tỉnh rượu, tàn canh là lúc con người sống thật với lòng mình nhất, tự thức về những hành động của mình, ý thức về những điều chua chát, đắng cay của bản thân mình. Và một khi đã ý thức được những hành động của mình thì đó cũng là lúc nhân phẩm của con người trỗi dậy, là nhân phẩm, bản chất tốt đẹp của nàng Kiều. “Giật mình mình lại thương mình xót xa”, ba chữ “mình” trong một câu thơ gợi ra tất cả sự cô độc của thân phận. “Giật

mình” như một sự bàng hoàng, thảng thốt đau đớn. “Giật mình” vì thấy ghê tởm cho cảnh sống hiện tại. “Giật mình” cho chính bản thân, một thiếu nữ khuê các nay rơi vào cảnh “bướm chán ong chường”, tấm thân vàng ngọc giờ đành để khách làng chơi giày vò. Vì thế mà bốn chữ “mình lại thương mình” chìm xuống, giọng thơ đầy thấm thía cô đơn xót xa. Bốn câu hỏi liên tiếp là nỗi niềm dằn vặt, tự đau, tự thương cự độ của “nỗi thương mình”:

*"Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!"*

Một cô gái khuê các, tài sắc vẹn toàn, hiền lành đoan trang hết mực. Một cô gái nho gia bây giờ trở thành một cành hoa tan tác. Sự biến chuyển nhanh chóng đến mức chính Kiều cũng phải bàng hoàng, sửng sốt. Phép đối lập như một biện pháp nghệ thuật chủ yếu toàn đoạn trích và nhất là trong hai câu này càng tăng thêm giá trị biểu cảm. Nó tạo nên sự so sánh đối lập giữa hai quãng đời, hai thời gian, hai tình cảm. Cặp từ đối lập chỉ thời điểm: “Khi sao/giờ sao” tạo nên cảm giác đột ngột của sự thay đổi trong một khoảng thời gian không mấy cách biệt. Chính vì điều này đã làm vết thương của Kiều nhức nhối, đau đớn như đào sâu thêm vào nỗi xót xa, tê tái của Kiều.

Quá khứ hiện về đối lập với thực tại một cách khốc liệt, Kiều hồi tưởng lại những tháng năm “êm đềm trướng rủ màn che” thì lập tức thực tại phũ phàng lại hiện lên rõ nét hơn gấp bội, từ “phong gấm” diễn tả một sự bình yên, êm đềm trong quá khứ đối lập gay gắt với từ “tan tác” trong câu thơ nói về hiện tại như cái thực trạng phũ phàng bao trùm vùi chôn quá khứ êm đẹp. Phép so sánh “như hoa giữa đường” càng làm nổi bật sự đối lập tuyệt đối giữa quá khứ và thực tại, giữa cá nhân và hoàn cảnh. Cụm từ “bướm chán ong chường” và “dày gió dạn sương” là nét sáng tạo về cách dùng từ của Nguyễn Du, nhấn mạnh có ý so sánh theo mức độ tăng tiến cho ta thấy sự vùi dập, chà đạp mà Kiều phải gánh chịu. Các câu hỏi tu từ ở đây được Nguyễn Du sử dụng nhằm làm rõ hơn sự đau đớn, ê chề của Kiều trước thực tại phũ phàng, tàn nhẫn. Hai câu thơ day dứt một tiếng thở dài tuyệt vọng của một cô gái vốn tài sắc hơn người, khát khao hạnh phúc nhưng bây giờ đã chán ngán tất cả”:

*“Mặc người mưa Sở mây Tần
Những mình nào biết có xuân là gì?”*

Sống trong cảnh lầu xanh suốt ngày phải mua vui cho người khác hành hạ bản thân mình, lập đi lập lại hàng ngày ai cũng sẽ thấy chán chường muốn bỏ bê tất cả và Kiều cũng vậy. Sự đối lập giữa người - khách làng chơi (số nhiều) với chính mình - Kiều (số ít) như thể hiện tội cùng nỗi cô đơn của nàng. Từ “xuân” ở đây ý chỉ niềm vui được hưởng hạnh phúc lứa đôi nhưng với Thúy Kiều sống làm vợ khắp người ta thì làm gì còn có mùa xuân, chỉ thấy trong đó là sự nhục nhã, lẻ loi, trợ trợ và cô đơn của cuộc đời người kĩ nữ mua vui. Từ “mặc” ở đây lại chỉ sự bất lực, mặc cho mọi thứ muốn tới đâu thì tới, dằn vặt nặng nề day nghiền của Thúy Kiều nhưng không làm sao khác được.

Biểu hiện tại dày gió dạn sương nỗi buồn chán tăng lên gấp bội. Nói đến mặt là nói đến tâm hồn, thế mà giờ đây mặt trở trở. Nàng nhớ đến hành vi đã qua cay đắng tủi nhục khôn cùng chỉ khi tâm hồn chết theo thì Kiều mới sống được ở chốn lầu xanh này mà chỉ có thể quên đi những gì êm đềm tốt đẹp trước đây, một thời trướng phủ màn che quên đi bản thân mình thì Kiều mới có thể tồn tại được trong xã hội này. Như vậy sống trong cái xấu Kiều ý thức được cái xấu chứng tỏ lòng Kiều luôn hướng về cái tốt. Chạy trốn hiện thực không được Kiều đành lòng quay về với thực tại. Nguyễn Du miêu tả khung cảnh nơi Kiều sống:

*“Đòi phen gió tựa hoa kè
Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.
Đòi phen nét vẽ câu thơ
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gượng kẻo là
Ai tri âm đó mặn mà với ai”*

Khung cảnh thiên nhiên nơi Kiều sống sang trọng tươi đẹp có đủ phong tuyết nguyệt hoa. Nơi Kiều sống có gió vi vu thổi có hoa đua nhau khoe sắc có trăng thu vàng vạc có tuyết giăng. Cảnh đẹp bốn mùa hội tụ nơi đây. Ở chốn thanh lâu còn có đủ các thú vui tao nhã như: Cầm kì thi họa. Các thú vui đó tô điểm cho bức tranh thêm sống động. Nhìn bề ngoài cứ tưởng đây là chốn Bồng Lai tiên cảnh. Tài của Nguyễn Du thể hiện ở việc dùng cảnh vật để diễn tả nội tâm của con người.

Giữa chốn lầu xanh mà đồng tiền lên ngôi, có bao kẻ đến rồi đi, cái còn lại sau cùng với Kiều chỉ là sự rã rời, đau đớn cả về thể xác và tâm hồn thì làm gì có ai là tri kỉ, có ai để “mặn mà” nhưng trong sâu thẳm cõi lòng, Kiều vẫn luôn mong ngóng một tấm lòng, một người hiểu mình. Một lần nữa ngôn ngữ nửa trực tiếp lại khiến cho câu thơ có những lớp nghĩa sâu sắc kết hợp câu hỏi tu từ đầy sột xà cay đắng cho thấy phẩm chất tốt đẹp của Thúy Kiều giàu lòng tự trọng, coi trọng phẩm giá và muốn sống một cuộc sống bình yên, trong sạch.

Đoạn trích thể hiện khá hoàn chỉnh số phận, tính cách của Thúy Kiều. Thể hiện tập trung tư tưởng nhân văn của tác giả: cảm thương trước bi kịch của Kiều, khẳng định nhân cách đẹp đẽ của nàng và khẳng định sự ý thức về nhân phẩm và sự ý thức cá nhân. Thể hiện nỗi thương mình của Thúy Kiều, Nguyễn Du cũng thể hiện được nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật với ngôn ngữ nửa trực tiếp, lời tác giả và nhân vật như hòa vào nhau tạo nên sự đồng cảm giữa tác giả - nhân vật - người đọc.